

Bản án số: 105/2024/HS-PT
Ngày 08-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Ông Vũ Quang Trung

Ông Nguyễn Hồng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trương Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/8 và 08/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 52/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXPT-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/HSPT-QĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 với bị cáo Đỗ Thị T cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2024/HS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Thị T, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1958 tại Hải Phòng; nơi thường trú: Tổ A, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố C phường H, (theo lý lịch bị can: Tổ dân phố H phường V), quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hồng M và bà Đinh Thị T1; chồng là Phạm Văn K (đã chết) và có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 16-11-2022 đến ngày 15-12-2022 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, đến ngày 11-01-2023 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Đỗ Thị T2, sinh ngày 11 tháng 4 năm 1965 tại Hải Phòng; nơi thường trú: Tổ A, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ,

phường H (theo lý lịch bị can: Tổ dân phố số H phường V), quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hồng M và bà Đinh Thị T1; chồng là Nguyễn Đình Đ và có 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10-3-2023; có mặt.

3. Đỗ Thị H, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1971 tại Hải Phòng; nơi thường trú: Tổ A, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Tổ H, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hồng M và bà Đinh Thị T1; chồng là Đinh Văn M1 (đã chết) và có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10-3-2023; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị T và bị cáo Đỗ Thị H: Ông Đỗ Hoàng D, Luật sư Công ty L1 - Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2, Đỗ Thị H: Ông Nguyễn Văn T3, ông Đinh Phú M2 và ông Đinh Hữu C; Luật sư Công ty L2 - Đoàn Luật sư thành phố H; đều có mặt.

- Bị hại: Công ty Cổ phần X (gọi tắt là: Vinaconex); trụ sở: Số E đường N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần X V: Ông Đoàn Thanh B - Giám đốc Công ty; là đại diện theo pháp luật; vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của bị hại Công ty Cổ phần X: Ông Huỳnh Sơn C1 - Phó Ban quản lý dự án khu biệt thự và nhà nghỉ C3, Công ty X và ông Phạm Hồng D1 - Trưởng phòng đầu tư Công ty X, là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 01 GUQ/CTY15 ngày 31-3-2022); đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Công ty Cổ phần X V: Bà Trần Thị Thùy L, Luật sư Công ty L3 - Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/11/2003, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 2965/QĐ-UB về việc giao đất cho Tổng Công ty X1 (gọi tắt là: Công ty X) để thực hiện dự án xây dựng Khu biệt thự và nhà nghỉ bán theo cơ chế kinh doanh tại phường V, thị xã Đ (nay là tổ dân phố H, phường V, quận Đ, Hải Phòng). Ngày 20/02/2004, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 439/QĐ-UB về việc duyệt phương án đền bù khi giao đất cho Công ty X. Trong danh sách bồi thường, hỗ trợ

khi nhà nước thu hồi đất không có tên hộ gia đình Đỗ Thị T nhưng có tên hộ gia đình ông Đỗ Văn C2 (là chú ruột của T) được bồi thường, hỗ trợ 70.752.144 đồng. Ngày 03/3/2004, gia đình ông C2, T lập biên bản làm việc, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường V và chủ đầu tư dự án với nội dung: Ông C2 đề nghị tách phần đất vật lập cho hộ gia đình T là 360m², tương ứng với số tiền gia đình T được nhận là 5.400.000 đồng (trong tổng số tiền hộ gia đình ông C2 được bồi thường, hỗ trợ), T đã ký vào biên bản và không có ý kiến gì.

Do Công ty X không triển khai thực hiện dự án đúng quy định, ngày 14/5/2008, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành quyết định số 779/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 2965/QĐ-UB ngày 17/11/2003; giao dự án xây dựng Khu biệt thự và nhà nghỉ cuối tuần cho Công ty Cổ phần X (gọi tắt là Công ty X). Khu đất được giao là đất quốc phòng do Trung đoàn 50 đóng quân trên địa bàn quận Đ quản lý. Ngày 23/11/2009, Trung đoàn E đã bàn giao đất cho Công ty X.

Để triển khai thực hiện dự án, Công ty X đã tiến hành xây dựng hàng rào bằng tôn mạ màu xung quanh dự án và xây dựng các công trình khác. Trong quá trình triển khai dự án, các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2 và Đỗ Thị H đến ngăn cản thi công, cho rằng trong diện tích đất Công ty X được giao có 360m² đất của cha ông khai hoang để lại từ trước những năm 1950 nếu như Công ty X muốn sử dụng thì phải thỏa thuận bồi thường.

Giữa Công ty X với các bị cáo T, T2, H đã nhiều lần thỏa thuận với nhau nhưng không đạt được kết quả. Sau đó, Công ty X đóng các cọc bê tông để xây dựng công trình trên diện tích đất tranh chấp (gồm lô 1 BTSL - 01 và lô 1 BTSL - 02). Từ ngày 29/3/2022 đến ngày 02/6/2022, các bị cáo T, T2, H đã 05 lần sử dụng 01 thanh gỗ dài khoảng hơn 01 m, đường kính khoảng 05 cm đến 06 cm và 01 thanh kim loại, dài khoảng 01 m, đường kính khoảng 03 cm đến 04 cm cạy phá 20 tấm tôn trên hàng rào tôn của Công ty X. Ngoài ra, các bị cáo T, T2, H còn giăng băng rôn, khẩu hiệu để phản đối, chửi bới to tiếng, dựng lán trại trên vỉa hè để ngăn cản Công ty X thi công.

Quá trình các bị cáo T, T2, H cạy phá các tấm tôn, Công ty X đều trình báo chính quyền địa phương, đồng thời quay video lại và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Kết luận giám định số 345 ngày 08/8/2022 của Phòng K1 - Công an thành phố H kết luận: 19 tập tin video ký hiệu từ A1 đến A19 gửi giám định; các tập tin video ký hiệu A1 đến A11, A14, A16, A18, A19 không bị cắt ghép, chỉnh sửa; các tập tin video ký hiệu A12, A13, A15, A17 có dấu hiệu bị cắt ghép, chỉnh sửa, nội dung diễn biến sự việc trên video không liên tục.

Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 13-9-2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự quận Đ kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của 20 (hai mươi) tấm tôn mạ màu đề nghị định giá là 4.244.400 đồng.

Tại biên bản làm việc với Công an phường V, Ủy ban ban nhân dân phường V được cung cấp như sau: Từ ngày 29/3/2022 đến 02/6/2022, các bị cáo T, T2, H có hành vi cạy phá các tấm tôn, chửi bới, treo băng rôn khẩu hiệu, dựng lán trại tại khu dự án biệt thự và nhà nghỉ cuối tuần của Công ty X. Hành vi của các bị cáo T, T2, H gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn công cộng và chính quyền địa phương đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, những lời khai ban đầu các bị cáo T, T2, H thừa nhận có cạy phá các tấm tôn làm hàng rào của Công ty X; sau đó các bị cáo nhiều lần thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty X yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự trị giá những tấm tôn các bị cáo cạy phá làm hư hỏng là 4.244.400 đồng. Các bị cáo chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 14-9-2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2, Đỗ Thị H về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo T, T2, H đã bị khởi tố về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b (dùng hung khí hoặc có hành vi phá phách) khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự nên không xử lý T, T2, H về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Sau khi Hội đồng xét xử trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung tại Quyết định số 02/2023/HSST-QĐ ngày 5/10/2023 để làm rõ thêm một số chứng cứ dùng để chứng minh một trong những vấn đề quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng hình sự mà không thể bổ sung tại phiên tòa được, để đảm bảo tốt nhất quyền lợi ích hợp pháp của các bị cáo; tính đúng đắn, khách quan của vụ án; đảm bảo xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngày 09/01/2024, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn có Công văn số 10/VKSĐS giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2, Đỗ Thị H về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi kết thúc việc xét hỏi đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn căn cứ Điều 319 Bộ luật Tố tụng Hình sự kết luận các bị cáo phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự là tội nhẹ hơn tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự

Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2, Đỗ Thị H đồng phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt các bị cáo:

- Đỗ Thị T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.
- Đỗ Thị T2 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.
- Đỗ Thị H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty X không yêu cầu các bị cáo bồi thường tài sản bị thiệt hại trị giá 4.244.400 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2 và Đỗ Thị H kháng cáo kêu oan vì cho rằng hành vi của các bị cáo không phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2 và Đỗ Thị H không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cung cấp các tài liệu là các “phiếu chuyển đơn”, “phiếu hướng dẫn”, “giấy mời” của các cơ quan về việc các bị cáo kêu oan và phản ánh Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đ vì phạm pháp luật và đề nghị triệu tập bổ sung những người làm chứng: Ông Lê Đức Q, sinh năm 1962; ông Đinh Xuân H1, sinh năm 1956; ông Đinh Xuân N, sinh năm 1962 là những bảo vệ của Công ty X hiện đã nghỉ làm; ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1959, là tổ trưởng tổ dân phố H, phường V; trong đó người làm chứng Lê Đức Q có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo khai bị ép cung vì những lời khai tại cơ quan điều tra không phải là lời khai của các bị cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì khác.

Người làm chứng Lê Đức Q khai tại phiên tòa chưa đến trụ sở Công an quận Đ để lấy lời khai mà chỉ đến trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn và có ký vào các lời khai có ghi nội dung nhưng do Kiểm sát viên đọc, ông không đọc lại; ra phiên tòa ông mới biết lời khai của ông không đúng những gì ông đã khai nhưng ông Q cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho quan điểm của mình. Tại phiên tòa người làm chứng Lê Đức Q khai không được ai là lãnh đạo Công ty X giao cho nhiệm vụ quay video clip, không chứng kiến việc các bị cáo tháo dỡ hàng rào tôn của Công ty X, tuy nhiên lại có lời khai của ông Huỳnh Sơn C1 khai giao cho ông Lê Đức Q quay video clip và giao nộp lại cho Cơ quan điều tra, chứng kiến các bị cáo tháo dỡ hàng rào tôn là không đúng, có sự mâu thuẫn.

Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc tạm ngừng phiên tòa để triệu tập Kiểm sát viên, Điều tra viên tham gia phiên tòa do bị cáo khai bị bức cung, ép cung và người làm chứng ông Q khai không đến Cơ quan công an để lấy lời khai nhưng lại có lời khai trong hồ sơ vụ án. Những người bào chữa cho các bị cáo đồng ý với quan điểm đề nghị tạm ngừng phiên tòa của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử xét thấy: Những người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; người làm chứng Lê Đức Q đã được Tòa án bổ sung tham gia tố tụng tại phiên tòa. Các bị cáo khai Điều tra viên và Kiểm sát viên vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, lời khai của các bị cáo và người làm chứng Lê Đức Q trong biên bản lấy lời khai không đúng với lời khai của họ vì họ được nghe đọc biên bản nhưng không tự đọc lại nhưng vẫn ký biên bản lấy lời khai. Tuy nhiên, các bị cáo và người làm chứng không có tài liệu chứng minh nên việc triệu tập Điều tra viên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là không cần thiết. Một trong những chức năng của Viện Kiểm sát là kiểm sát hoạt động tư pháp nên nếu có vi phạm Viện Kiểm sát kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của Kiểm sát viên và những người bào chữa; Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, T2, H thống nhất khai: Các bị cáo là 03 chị em ruột, ba chị em bị cáo có khu đất khoảng 360m² (chiều mặt đường khoảng 15m) nằm trong khu dự án mà Công ty Vinaconex rào lại. Trước các bị cáo thường xuyên đi vào khu đất, trồng cây cối như bạch đàn, xoan, dừa... nhưng sau đó toàn bộ khu đất bị rào kín, chỉ có 01 cổng và bảo vệ không cho vào. Khu đất này của các bị cáo có nguồn gốc của gia đình các bị cáo và được chú ruột là ông Đỗ Văn C2 chia cho nên các bị cáo được Ủy ban nhân dân phường V gửi giấy mời lên Ủy ban để giải quyết về việc bồi thường, giải phóng mặt bằng. Nhưng giữa các bị cáo và Công ty X chưa giải quyết xong vấn đề bồi thường thì Công ty đã rào kín khu đất lại trong đó có đất của 03 chị em bị cáo.

Các bị cáo đều khai không có mục đích cạy phá các tấm tôn của Công ty X. Ban đầu, các bị cáo khai do đất của các bị cáo bị Công ty rào kín lại không vào được nên các bị cáo chỉ cạy các tấm tôn để nhìn khu đất của các bị cáo. Sau khi Hội đồng xét xử cho trình chiếu video clip các tập tin A2, A3, A4, A5, A7, A16, A18 (đây là các tập tin không bị cắt ghép chỉnh sửa theo Kết luận giám định số 345 ngày 08/8/2022 của Phòng K1, Công an thành phố H. Các bị cáo thừa nhận hình ảnh là của các bị cáo cạy phá các tấm tôn làm hàng rào của Công ty X khoảng 05 lần, mỗi lần từ 2 - 3 tấm tôn và dùng thanh gỗ hoặc thanh kim loại để cạy phá. Nhưng các bị cáo không thừa nhận hành vi của mình là cố ý làm hư hỏng tài sản của Công ty X mà các bị cáo chỉ cạy tôn ra để đi vào trông coi đất, xem đất của các bị cáo như thế nào. Khi cạy tôn ra khỏi hàng rào các bị cáo đã bàn giao lại các tấm tôn cho bảo vệ của Công ty. Các bị cáo không phạm tội, không làm hư hỏng tài sản của bị hại.

Trong các clip mà Hội đồng xét xử trình chiếu, có clip thể hiện ngoài các bị cáo còn có người đàn ông lạ mặt đập phá, cậy các tấm tôn ra khỏi tường rào các bị cáo không biết là ai, đề nghị được làm rõ.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng. Bị cáo T trình bày khi tháo các tấm tôn mục đích của các bị cáo chỉ là bảo vệ đất. Khi các bị cáo tháo dỡ tôn chính quyền địa phương cũng như cơ quan công an không có ý kiến gì nên các bị cáo không có tội. Bị cáo T2 cho rằng vì 20 tấm tôn mà kết tội các bị cáo là không đúng. Các tấm tôn là vật chứng của vụ án không phải là các tấm tôn các bị cáo tháo ra. Bị cáo H cho rằng, Kiểm sát viên cho rằng bị cáo không có đất là không đúng. Những người làm chứng về phía công ty là không khách quan vì các bị cáo không biết những người làm chứng này. Các bị cáo không nhận tội vì không có tội. Đề nghị Hội đồng xét xử công tâm, khách quan, xét xử đúng pháp luật.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo như sau: Các bị cáo kháng cáo kêu oan, cho rằng hành vi của các bị cáo không phạm tội. Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai không có mục đích làm hư hỏng tài sản nhưng động cơ, mục đích không phải là dấu hiệu bắt buộc của tội Cố ý làm hư hỏng tài sản. Lỗi của bị cáo là lỗi cố ý vì các bị cáo nhận thức được hậu quả của việc cậy phá các tấm tôn ra khỏi hàng rào, làm hư hỏng các tấm tôn, hỏng hàng rào khu đất của bị hại nhưng để mặc hậu quả xảy ra nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý làm hư hỏng tài sản. Theo Điều 53 Hiến pháp thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước quản lý; theo Điều 54 Hiến pháp: Cá nhân, tổ chức được giao đất hợp pháp.. Công ty X được giao đất hợp pháp nên được quyền sử dụng. Việc Công ty X xây hàng rào để rào khu đất thực hiện dự án là đúng quy định pháp luật. Các bị cáo cho rằng đất của mình bị thu hồi không đúng, chưa đồng ý với kết quả bồi thường giải phóng mặt bằng; nếu có căn cứ thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính nhưng các bị cáo không khởi kiện mà có hành vi cậy phá các tấm tôn làm hàng rào của Công ty X làm hư hỏng tài sản của Công ty; thiệt hại tài sản trị giá 4.244.400 đồng. Hành vi làm hư hỏng tài sản của các bị cáo xảy ra trong khuôn viên khu đất xây biệt thự và nhà nghỉ ... của Công ty X, ít người qua lại nên chưa đến mức gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự của địa phương. Do vậy, Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Xét nhân thân các bị cáo chưa tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người bào chữa cho các bị cáo có ý kiến tranh luận:

Không đồng ý với tội danh và điều luật áp dụng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo. Về mặt chủ quan, các bị cáo không có động cơ, mục đích phạm tội. Lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều khai xuất phát từ tranh chấp đất đai từ năm 2003 đến nay chưa được giải quyết và hiện tại UBND phường V cũng đang giải quyết việc bồi thường đất của các bị cáo. Từ trước diện tích đất của các bị cáo do chủ ruột là ông Đỗ Văn C2 quản lý đất, trồng trọt. UBND phường V có nhiều thông báo mời các bị cáo lên UBND phường để giải quyết về vấn đề bồi thường. Gia đình bị cáo hợp thống nhất các bị cáo T, T2, H mỗi bị cáo được chia diện tích đất 5m chiều ngang, chiều sâu khoảng 15m. Đây là diện tích đất có từ lâu đời không phải chỉ có công vật lập đất như dự án xác định nên ngày 25/3/2022 Công ty X và các bị cáo hòa giải không thành. Mục đích các bị cáo gỡ các tấm tôn để có lối đi vào khu đất, xem đất của mình như thế nào. Hàng rào tôn này đã có nhiều năm, bị ăn mòn do thời tiết và gió biển. Trước khi tháo dỡ hàng rào, các bị cáo đã thông báo với cơ quan công an, chính quyền địa phương; sau khi tháo dỡ các bị cáo bàn giao lại các tấm tôn cho bảo vệ Công ty X và công ty không ngăn cản hành vi của các bị cáo. Cơ quan công an quận Đ lấy lời khai các bị cáo nhưng không răn đe các bị cáo. Bản án sơ thẩm cho rằng động cơ, mục đích không phải là dấu hiệu bắt buộc mà hậu quả mới là dấu hiệu bắt buộc của tội Cố ý làm hư hỏng tài sản là không đúng vì không có mục đích làm hư hỏng tài sản thì không có làm hư hỏng tài sản.

Về mặt khách quan, khách thể của tội phạm chưa được làm rõ. Hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản phải làm giảm giá trị của tài sản nhưng các bị cáo chỉ có hành vi tháo dỡ hàng rào là các tấm tôn công khai, có sự chứng kiến của công an, chính quyền địa phương. Hành vi gián đoạn, không liên tục và trị giá tài sản (tấm tôn) mỗi lần các bị cáo tháo dỡ đều dưới 2.000.000 đồng; các bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi làm hư hỏng tài sản. Kết quả định giá tài sản lại cộng dồn giá trị các tấm tôn của các lần các bị cáo phá dỡ là không đúng vì theo Công văn 64 giải đáp của Tòa án nhân dân tối cao và Thông tư liên tịch 02 ngày 25/12/2001 của TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP hướng dẫn chỉ được cộng dồn giá trị tài sản nếu hành vi phạm tội thực hiện liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian; nhưng hành vi của các bị cáo không liên tục mà cách nhau vài ngày hoặc hàng tháng. Những tấm tôn tháo dỡ, có những tấm tôn là tôn cũ, có những tấm tôn mới sau khi tháo dỡ vẫn còn sử dụng được.

Bản án sơ thẩm có những vi phạm tố tụng. Vật chứng của vụ án không đúng vì tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo không thừa nhận các tấm tôn là vật chứng của vụ án chính là các tấm tôn do các bị cáo cậy phá. Bản án sơ thẩm chưa làm rõ mỗi bị cáo phá dỡ những tấm tôn nào; không tiến hành thực nghiệm điều tra để cho các bị cáo nhận diện vật chứng. Những người làm chứng thay đổi lời khai nhưng bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận lời khai ban đầu của những người làm chứng mà không cho đối chất. Ví dụ, người làm chứng ông H1, ông N

khai không chứng kiến việc các bị cáo tháo dỡ tài sản mà chỉ lắp lại hàng rào sau khi các bị cáo tháo dỡ các tấm tôn và những tấm tôn này đều là tôn cũ. Ông H2 là tổ trưởng xác nhận các bị cáo chỉ tháo dỡ, không phá hủy các tấm tôn. Người làm chứng ông Q tại phiên tòa khai không được triệu tập đến cơ quan điều tra để lấy lời khai mà đang giờ đi làm được lãnh đạo Công ty yêu cầu lên cơ quan Viện Kiểm sát làm việc và không được giải thích quyền và nghĩa vụ. Bản án sơ thẩm nhận định các bị cáo không khiếu nại về hành vi của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng là không khách quan vì các bị cáo có nhiều đơn thư khiếu nại (đã nộp tại phiên tòa phiếu chuyển đơn của các cơ quan chức năng).

Về hành vi khách quan, bản án sơ thẩm nhận định hành vi của các bị cáo là phạm tội nhưng không đánh giá hành vi của Công ty X vi phạm pháp luật khi dựng hàng rào tôn có vi phạm hành lang giao thông hay không, có xâm phạm đất của các bị cáo hay không? Công ty X khi xây hàng rào tôn là có lỗi khi không thông báo cho các bị cáo.

Về mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả: Bản án sơ thẩm đánh giá hành vi của các bị cáo làm mất giá trị tài sản là không đúng vì bị cáo chỉ tháo dỡ các tấm tôn và bàn giao cho bảo vệ Công ty X nên tài sản là các tấm tôn không bị hỏng, không bị bóp méo trong khi giá trị tài sản bị thiệt hại theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự từ 2.000.000 đồng trở lên. Nhưng bản án sơ thẩm chỉ áp dụng Bộ luật Hình sự mà không áp dụng Công văn 64 của Tòa án nhân dân tối cao và Thông tư liên tịch 02 ngày 25/12/2001. Như vậy, bản án nhận định động cơ, mục đích của tội Cố ý làm hư hỏng tài sản không phải là dấu hiệu bắt buộc là không đúng vì là mặt chủ quan của tội phạm; giữa hành vi của bị cáo và hậu quả xảy ra không có mối quan hệ nhân quả nên các bị cáo kháng cáo kêu oan là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo; hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị T và Đỗ Thị H phát biểu quan điểm:

Đồng ý với nội dung kháng cáo của các bị cáo về việc các bị cáo không phạm tội và quan điểm bào chữa cho các bị cáo của các luật sư khác. Thiệt hại vật chất do hành vi của các bị cáo gây ra là không rõ ràng. Về mặt chủ quan của tội phạm, lỗi đối với tội Cố ý làm hư hỏng tài sản phải là lỗi cố ý. Nhưng các bị cáo không cố ý làm hư hỏng tài sản mà chỉ muốn vào xem khu đất của mình. Hành vi của các bị cáo cũng không phải đập phá (vì nếu đập phá sẽ là hành vi hủy hoại tài sản. Khách thể của tội phạm cũng không bị xâm hại vì hàng rào là các tấm tôn cũ, tháo ra lại lắp lại được và có một số tấm tôn không sử dụng được vì lâu ngày đã cũ. Các bị cáo đều không thừa nhận 20 tấm tôn vật chứng của vụ án chính là những tấm tôn các bị cáo đã tháo dỡ hàng rào của Công ty X nên kết quả định giá là các tấm tôn do bị hại cung cấp, giao nộp cho cơ quan công an nên tổng giá trị thiệt hại của các tấm tôn theo định giá 4.244.400 đồng là không có căn cứ.

Như vậy, có việc các bị cáo tháo dỡ các tấm tôn nhưng không vi phạm pháp luật hình sự. Các bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, không thừa nhận vật chứng của vụ án. Những người làm chứng xác nhận chỉ được cơ quan tiến hành tố tụng gọi lên cơ quan để ký biên bản nhưng biên bản không ghi đúng lời khai của họ. 05 lần các bị cáo tháo dỡ các tấm tôn đều có mặt bảo vệ Công ty X (bình thường mỗi ca làm việc chỉ có từ 1 – 2 người). Như vậy, tội cố ý làm hư hỏng tài sản là cấu thành vật chất nhưng ở đây không có thiệt hại xảy ra. Do vậy, các bị cáo không phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn để xét xử lại vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại phát biểu quan điểm:

Đồng ý với bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Trong vụ án này, bị hại Công ty V không có lỗi trong việc dựng hàng rào xung quanh khu đất dự án của Công ty vì Công ty không trực tiếp thu hồi đất của người dân mà Ủy ban nhân dân thành phố thu hồi đất giao cho Trung đoàn 50 (đất quốc phòng). Công ty X nhận đất từ Trung đoàn 50 theo Quyết định giao đất của UBND thành phố nên bị hại không có lỗi trong việc dựng hàng rào để rào khu đất lại vì khu đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty X.

Về động cơ, mục đích phạm tội: Các bị cáo trình bày và người bảo vệ cho các bị cáo cho rằng các bị cáo chỉ đi thăm đất, xem đất như thế nào nhưng các bị cáo không làm việc với Công ty X mà khi công ty X mới tự ý phá dỡ hàng rào. Khi các bị cáo phá dỡ hàng rào như trong clip Hội đồng xét xử đã trình chiếu sẽ làm hỏng các tấm tôn; đây là tài sản của Công ty X. Các bị cáo ý thức được hành vi và hậu quả xảy ra khi thực hiện hành vi phá dỡ hàng rào nên lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý.

Những người bào chữa cho các bị cáo cho rằng hành vi của các bị cáo không làm mất giá trị tài sản. Khi các bị cáo phá dỡ hàng rào là thời điểm tội phạm hoàn thành thì tài sản không còn như giá trị ban đầu, hàng rào đã không còn nữa. Còn giá trị tài sản theo kết quả định giá chỉ là hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Theo Thông tư liên tịch 02 ngày 25/12/2001 mà người bào chữa cho các bị cáo trích dẫn thì hành vi phạm tội phải dưới mức giá trị tối thiểu và không liên tục. Mục c phần 5 của thông tư đã trích dẫn trừ những trường hợp người phạm tội dừng lại do khách quan. Trong vụ án này việc các bị cáo dừng hành vi phá dỡ các tấm tôn hoàn toàn do Công ty X phát hiện và trình báo chính quyền địa phương. Do vậy, việc các bị cáo dừng hành vi phạm tội khách quan chứ không phải do các bị cáo.

Việc nhận dạng, đối chất là hoạt động tố tụng được Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nhưng không phải bắt buộc mà tùy từng trường hợp cụ thể, trong từng vụ án cụ thể mà cơ quan điều tra thấy cần thiết phải tiến hành các hoạt động này hay không.

Về lời khai của những người làm chứng: Người làm chứng thay đổi lời khai nhưng không có lý do. Và việc người làm chứng ông Q khai tại phiên tòa ký biên bản lấy lời khai mà không đọc nên biên bản ghi không đúng lời khai của ông là không có căn cứ. Các bị cáo khai bị mớm cung tại giai đoạn điều tra nhưng có những lời khai của các bị cáo có mặt người bào chữa nên các bị cáo khai bị mớm cung, ép cung là không có căn cứ. Ví dụ bút lục 422 lời khai của bị cáo T có người bào chữa tham gia bị cáo thừa nhận hành vi chặt phá. Bị cáo T khai có lần một mình bị cáo, có lần 2 bị cáo và có lần cả 3 bị cáo tham gia chặt phá hàng rào tôn. Người làm chứng ông Q khai có 02 lần đến Viện Kiểm sát để lấy lời khai nhưng hồ sơ thể hiện có 03 biên bản lấy lời khai của ông Q. Tại phiên tòa, người làm chứng thừa nhận chữ ký trong các biên bản lấy lời khai là đúng (bút lục 586-587) và ông Q xác nhận ký vào biên bản có ghi chữ (không phải biên bản để trống) trong đó thể hiện ông Q chứng kiến 02 lần: Bị cáo T2 dùng 1 cục đá và cành củi để chặt phá tấm tôn và bị cáo H dùng thanh gỗ dài chặt phá tấm tôn. Nhưng ông Q không thừa nhận nội dung của biên bản do ông không đọc mà Kiểm sát viên đọc và đọc khác đi (do ông Q đang trong giờ làm, không có thời gian) là không hợp lý. Bút lục 213, 214 người làm chứng Vũ Mạnh T4 khai là người tập hợp các tấm tôn do các bị cáo phá vỡ.

Mặc dù các bị cáo khai không đập phá hàng rào tôn nhưng ngoài lời khai của những người làm chứng thì các video Hội đồng xét xử trình chiếu tại phiên tòa thể hiện các bị cáo có hành vi đập phá, tháo dỡ các tấm tôn nên có thiệt hại xảy ra. Những người làm chứng thay đổi lời khai không có lý do nhưng theo quy định tại Điều 87 Bộ luật Tố tụng hình sự thì người làm chứng phải cam đoan khai đúng sự thật. Nếu họ có những lời khai khác nhau, mâu thuẫn thì không chấp nhận lời khai của những người làm chứng.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo. Về bồi thường, Công ty X không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

** Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa tranh luận lại với quan điểm của những người bào chữa cho các bị cáo:*

Về nguồn gốc khu đất được rào bằng hàng rào tôn là của Công ty X được giao đất hợp pháp. Bị cáo trình bày đất của các bị cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh mà chỉ xuất trình các giấy mời bị cáo lên Ủy ban nhân dân phường để làm việc về việc bồi thường san lấp đất nhưng các bên chưa thỏa thuận được về vấn đề bồi thường. Như vậy, nếu có tranh chấp các bị cáo có quyền lựa chọn bằng con đường khởi kiện vụ án hành chính, vụ án dân sự nhưng các bị cáo lại thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự là không đúng.

Về cấu thành tội phạm: Chủ thể của tội phạm - các bị cáo đều có đủ năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi, có đủ năng lực pháp luật hình sự. Về

khách thể, các bị cáo xâm phạm khách thể trực tiếp là quyền sở hữu của Công ty X. Khi các bị cáo phá dỡ hàng rào, tháo các tấm tôn ra khỏi hàng rào là đã phá hỏng hàng rào, làm hỏng các tấm tôn nên gây ra thiệt hại là giá trị các tấm tôn và công lắp đặt hàng rào. Về mặt khách quan, các bị cáo dùng gậy gỗ, dùng thanh sắt đập phá, tháo dỡ hàng rào. Mặc dù các bị cáo không thừa nhận nhưng qua các video clip được Hội đồng xét xử trình chiếu tại phiên tòa là những video không bị chỉnh sửa; cùng với lời khai của những người làm chứng trong hồ sơ vụ án.. thể hiện các bị cáo có hành vi khách quan đập phá hàng rào tôn và làm thiệt hại giá trị tài sản theo kết quả định giá là 4.244.400 đồng. Về mặt chủ quan, động cơ, mục đích của tội phạm này có nhưng không phải là dấu hiệu bắt buộc. Các bị cáo muốn vào khu đất thì phải phá dỡ hàng rào tôn. Các bị cáo biết được điều này nhưng vẫn thực hiện hành vi phá dỡ nên lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý với ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra là làm hỏng hàng rào tôn, hỏng các tấm tôn nên hành vi của các bị cáo là “Cố ý làm hư hỏng tài sản” chứ không phải “Hủy hoại tài sản”.

Về những vi phạm tố tụng như quan điểm của những người bào chữa cho bị cáo như không tiến hành đối chất, thực nghiệm điều tra... Đây là những thủ tục tố tụng do cơ quan điều tra có thể tiến hành hoặc không tiến hành trong trường hợp cần thiết. Nếu bị cáo chối tội, có thể căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác. Trong vụ án này có nhiều clip ghi lại hành vi phạm tội của các bị cáo đã được thu thập hợp pháp và được trưng cầu giám định là những video không bị cắt ghép, chỉnh sửa. Đối với việc định giá tài sản, cơ quan điều tra đã trưng cầu nhiều cơ quan khác nhau để đưa ra kết quả định giá chính xác nhất còn xác định giá trị thiệt hại thuộc thẩm quyền của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự. Đối với những vật chứng thu giữ đều đã lập biên bản có chính quyền địa phương chứng kiến, có bản ảnh nhận dạng từng tấm tôn. Người làm chứng ông Q tại phiên tòa không thừa nhận lời khai nhưng thừa nhận chữ ký trong biên bản lấy lời khai và xác nhận ký vào biên bản có nội dung. Ông Q có đủ năng lực nhận thức và làm chủ hành vi nhưng lại làm chứng như vậy là thiếu trách nhiệm. Do vậy, lời khai của người làm chứng tại phiên tòa không có căn cứ xem xét. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vụ án và Viện Kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo.

** Những người bào chữa cho các bị cáo có quan điểm tranh luận lại:*

Các bị cáo thực hiện hành vi công khai, chỉ tháo một vài tấm tôn để đi vào khu đất nên áp dụng điểm c mục 5 Thông tư liên tịch 02 ngày 25/12/2001 như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là không đúng. Chứng thư thẩm định giá ghi rõ thiệt hại từng ngày do hành vi của các bị cáo gây ra đều dưới 2.000.000 đồng/ngày.

Đại diện Viện Kiểm sát cho rằng nhiều cơ quan đưa ra chứng thư định giá nhưng thực tế chỉ có Công ty Đ1 đến hiện trường để đánh giá mức độ thiệt hại. Các bị cáo tháo các tấm tôn ra khỏi hàng rào, có một số tấm tôn hỏng không dùng lại

được, có một số tấm tôn vẫn dùng lại được (các tấm tôn tháo ngày 31/5, 02/6/2022) thì chỉ là giảm sút giá trị của các tấm tôn này chứ không thể coi như sắt vụn được.

Bản án sơ thẩm đã không áp dụng Công văn 64/2019 giải đáp trực tuyến của Tòa án nhân dân tối cao cũng như Thông tư liên tịch 02/2001 mà chỉ áp dụng Bộ luật Hình sự để xét xử vụ án là không rõ ràng, thiếu khách quan vì hai văn bản này mới thể hiện rõ chỉ được cộng tổng giá trị những lần các bị cáo phạm tội nếu “hành vi liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian”. Các video clip Hội đồng xét xử trình chiếu chưa đủ hết 20 tấm tôn. Cơ quan điều tra đã vi phạm tố tụng khi không cho các bị cáo nhận dạng vật chứng. Bị cáo không có động cơ, mục đích phạm tội vì diện tích đất mà Công ty X thuê tôn có diện tích đất của các cụ (của gia đình bị cáo) để lại. Ông C2 là chủ ruột các bị cáo có đất bị thu hồi và các bị cáo có nhận được thông báo đề lên UBND phường giải quyết về vấn đề vật lập, thu hồi đất nên bị cáo mới tháo các tấm tôn để đi vào xem đất của mình như thế nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2 và Đỗ Thị H đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều có ý kiến về việc bị mớm cung, ép cung; người làm chứng Lê Đức Q cho rằng không được triệu tập lên Cơ quan công an để làm việc mà chỉ lên trụ sở Viện Kiểm sát làm việc trong thời gian đang đi là. Ông Q khai biên bản ghi lời khai không ghi đúng với nội dung người làm chứng khai. Tuy nhiên, các bị cáo và người làm chứng không có tài liệu chứng minh những nội dung trên. Ban đầu các bị cáo khai nhận hành vi đã thực hiện nhưng sau đó các bị cáo thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi đã thực hiện. Có những lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị cáo thừa nhận hành vi tháo dỡ các tấm tôn. Người làm chứng Lê Đức Q khai ký vào biên bản có nội dung và có được nghe đọc lại biên bản; biên bản lấy lời khai trong hồ sơ vụ án đúng là chữ ký của người làm chứng. Như vậy, không có căn cứ cho rằng Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố vụ án.

[3] Về những vi phạm tố tụng như quan điểm của những người bào chữa cho bị cáo cho rằng: Cơ quan điều tra không tiến hành đối chất, không thực nghiệm điều

tra... Như quan điểm của Kiểm sát viên, đây là những thủ tục tố tụng quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng không phải bắt buộc nên Cơ quan điều tra có thể tiến hành hoặc không tiến hành tùy từng trường hợp và trong từng vụ án cụ thể. Trong vụ án này có nhiều clip ghi lại hành vi phạm tội của các bị cáo đã được thu thập hợp pháp và được trưng cầu giám định là những video không bị cắt ghép, chỉnh sửa. Hội đồng xét xử đã cho trình chiếu công khai tại phiên tòa để đấu tranh với các bị cáo cũng như đánh giá toàn diện chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; không nhất thiết phải trình chiếu toàn bộ video. Vật chứng của vụ án là những tấm tôn thu giữ mặc dù do bị hại nộp cho cơ quan điều tra nhưng đều lập biên bản từng lần thu giữ vật chứng, có trình báo và chứng kiến của chính quyền địa phương và người làm chứng; chụp ảnh từng tấm tôn bị làm hư hỏng. Vì các bị cáo không nhận tội và không khai nhận những hành vi mình đã thực hiện nên việc các bị cáo thừa nhận hay không thừa nhận vật chứng của vụ án không phải là căn cứ kết tội đối với các bị cáo. Người làm chứng Lê Đức Q là người có đủ năng lực pháp luật hình sự ký tên vào biên bản có nội dung, thừa nhận chữ ký trong biên bản lấy lời khai thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình. Việc người làm chứng thay đổi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án là không khách quan và không có căn cứ chấp nhận.

- Xét kháng cáo của các bị cáo:

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo khai chỉ tháo các tấm tôn để vào xem đất và mục đích để giữ đất chứ không phải mục đích phá hủy các tấm tôn. Cả 03 bị cáo đều có đất trong khu đất bị Công ty X quây lại bằng hàng rào tôn. Đất này từ đời ông cha của các bị cáo để lại cho gia đình các bị cáo. Chủ ruột các bị cáo là ông C2 có đất bị thu hồi và theo thỏa thuận trong gia đình thì 03 bị cáo có diện tích đất có chiều ngang khoảng 15m (mỗi bị cáo có 5m), chiều sâu khoảng 30m. Tuy nhiên, nguồn gốc đất các bị cáo không có tài liệu chứng minh. Các bị cáo chỉ xuất trình được phiếu mời họp về việc thỏa thuận bồi thường về việc vật lập đất. Các bị cáo cho rằng đang có tranh chấp đất đối với Công ty X. Nhưng thực tế như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày. Công ty X được UBND thành phố giao đất hợp pháp để thực hiện dự án xây dựng Khu biệt thự và nhà nghỉ cuối tuần Vung H3. Nguồn gốc đất là đất quốc phòng do Trung đoàn 50 đóng quân trên địa bàn Đ quản lý. Như vậy Công ty X đang sử dụng đất hợp pháp, nên việc Công ty làm hàng rào tôn trên phần đất được Nhà nước giao là đúng quy định của pháp luật. Nếu có tranh chấp về dân sự, hành chính các bị cáo phải khởi kiện bằng vụ án dân sự hoặc vụ án hành chính mới là phù hợp với quy định của pháp luật. Đây không phải lý do để các bị cáo vi phạm pháp luật hình sự.

[5] Về cấu thành tội phạm: Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đúng với quy định của pháp luật hình sự. Chủ thể của tội phạm các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành

vi nên phải chịu trách nhiệm do hành vi của mình thực hiện. Về mặt chủ quan: Động cơ, mục đích là yếu tố thuộc về mặt chủ quan nhưng đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” đây không phải là dấu hiệu bắt buộc. Mặc dù các bị cáo khai mục đích chỉ tháo dỡ các tấm tôn để vào thăm khu đất nhưng để thực hiện được mục đích của mình các bị cáo phải ý thức được hậu quả là phải phá dỡ các tấm tôn. Như vậy, các bị cáo phải cố ý phá dỡ các tấm tôn để vào được khu đất. Đây là yếu tố lỗi, khác với động cơ, mục đích. Lỗi của bị cáo là lỗi cố ý gián tiếp. Khi phá dỡ các tấm tôn các bị cáo phải nhận thức được các tấm tôn sẽ bị hỏng và hàng rào tôn cũng bị hỏng. Các bị cáo ý thức được hậu quả nhưng để mặc cho hậu quả xảy ra. Về mặt khách quan, bị cáo có hành vi dùng thanh gỗ, thanh sắt.. để cạy phá các tấm tôn làm cho các tấm tôn bị thủng, bị rách và tháo các tấm tôn ra khỏi hàng rào làm hỏng hàng rào của Công ty X. Theo kết quả định giá của hội đồng định giá thì giá trị những tấm tôn bị hỏng và công lắp đặt hàng rào tôn mà các bị cáo đã phá dỡ là 4.244.400 đồng. Như vậy, các bị cáo thực hiện hành vi khách quan là làm hư hỏng tài sản với lỗi cố ý gây ra hậu quả làm thiệt hại tài sản của bị hại. Về khách thể, hành vi của các bị cáo xâm phạm khách thể chung là trật tự trị an xã hội, khách thể loại là quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ và khách thể trực tiếp là quyền sở hữu tài sản của Công ty X.

[6] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2, Đỗ Thị H đều không thừa nhận hành vi phạm tội, cho rằng các bị cáo bị xét xử oan. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai ban đầu của các bị cáo phù hợp với lời khai ban đầu của bị hại, người làm chứng, Kết luận định giá tài sản, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Vào các ngày 29/3/2022; 19/4/2022; 27/5/2022; 31/5/2022; 02/6/2022, do xuất phát từ việc tranh chấp đất đai tại địa chỉ Khu dự án biệt thự và nhà nghỉ C3 thuộc tổ dân phố H, phường V, quận Đ, Hải Phòng; Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2, Đỗ Thị H đã có hành vi cạy phá, làm hư hỏng 20 tấm tôn mạ màu của Công ty X, gây thiệt hại theo kết quả định giá là 4.244.400 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Bản án sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử các bị cáo là đúng tội danh và điều luật áp dụng. Việc các bị cáo kháng cáo cho rằng mình không phạm tội là không có căn cứ pháp luật.

[7] Những người bào chữa cho các bị cáo cho rằng Bản án sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn không áp dụng Công văn 64/2019 của Tòa án nhân dân tối cao và Thông tư liên tịch 02 ngày 25/12/2001 để xét xử các bị cáo là không khách quan. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo có tội hay không có tội; bị truy tố, xét xử vì vi phạm quy định của Bộ luật Hình sự. Công văn 64/2019 của Tòa án nhân dân tối cao là văn bản hướng dẫn áp dụng

pháp luật để đảm bảo pháp luật được áp dụng thống nhất trong hệ thống Tòa án nhân dân, không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Thông tư liên tịch 02 hướng dẫn áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 đã hết hiệu lực pháp luật nên Bản án sơ thẩm không áp dụng 02 văn bản này là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, quan điểm của luật sư cho rằng hành vi phạm tội của các bị cáo là không liên tục nên không cộng dồn giá trị tài sản từng lần phá dỡ các tấm tôn lại để tính giá trị tài sản các bị cáo làm hư hỏng là không có căn cứ.

[8] Tại phiên toà người làm chứng là ông Lê Đức Q thay đổi lời khai cho rằng không có sự chỉ đạo từ lãnh đạo Công ty giao cho ông Q quay clip, tuy nhiên ông Q cũng thừa nhận có làm việc với Kiểm sát viên chỉ không thừa nhận làm việc với Điều tra viên. Tại lời khai cuối cùng là khi làm việc trực tiếp với Kiểm sát viên vào ngày 27-03-2023 ông Q khai có 05 lần chứng kiến việc ba bị cáo dùng thanh gỗ, gong gà cạy phá hàng rào tôn và ông Q là người được lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ quay video clip sau đó chuyển lại cho lãnh đạo Công ty. Ông Q cam đoan lời khai đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình và ký ghi rõ họ tên ở cuối biên bản. Lời khai của ông Q phù hợp với lời khai của ông Huỳnh Sơn C1, do vậy việc ông Q thay đổi lời khai tại phiên toà là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Đối với việc trong các video clip được Hội đồng xét xử trình chiếu xuất hiện người đàn ông tham gia vào việc tháo dỡ các tấm tôn. Các bị cáo đều trả lời không biết người đàn ông này là ai và đề nghị làm rõ tại sao lại tham gia cùng các bị cáo tháo dỡ các tấm tôn. Quá trình điều tra cũng không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[10] Đối với quan điểm của những người bào chữa cho rằng về đặc điểm của các tấm tôn phải có cả tôn màu xanh và màu đỏ nên nguồn chứng cứ đã bị nguy tạo để cố ý kết tội các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thu thập 20 tấm tôn cũng như quá trình định giá giá trị thiệt hại của các tấm tôn đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, việc xác định các tấm tôn bị hư hỏng còn được chụp hình đánh số, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, có chụp lại bản ảnh lưu trong hồ sơ; có sự chứng kiến của cơ quan chuyên môn, sau đó mới tiến hành giám định, định giá; việc viết đặc điểm của các tấm tôn trong các chứng thư giám định là do cách viết của từng Công ty thẩm định giá sử dụng không phải là căn cứ để cho rằng đó là chứng cứ nguy tạo. Do đó quan điểm này của các luật sư bào chữa là không có cơ sở chấp nhận.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[11] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[12] Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải về hành vi mình đã thực hiện nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về vai trò của các bị cáo:

[13] Các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2 và Đỗ Thị H phạm tội đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ từ trước. Các bị cáo cùng là người thực hành, dùng cành cây, thanh gỗ, thanh kim loại cạy phá 20 tấm tôn mạ màu của Công ty X. Trong đó bị cáo T là người có vai trò khởi xướng, kích động, rủ rê bị cáo T2, H cùng phá dỡ các tấm tôn nên bị cáo T có vai trò cao hơn và phải chịu hình phạt cao hơn so với bị cáo T2 và H. Bị cáo T2 và bị cáo H có vai trò ngang nhau trong vụ án.

- Về hình phạt đối với các bị cáo:

[14] Các bị cáo cố ý cùng nhau làm hư hỏng tài sản là hàng rào tôn dùng để vây khu đất xây dựng dự án của Công ty X. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có xác nhận của chính quyền địa phương; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội do thiếu hiểu biết. Bởi vậy, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung. Mức hình phạt của bị cáo Đỗ Thị T cao hơn mức hình phạt của bị cáo Đỗ Thị T2 và Đỗ Thị H. Mức hình phạt của bị cáo Đỗ Thị T2 và Đỗ Thị H ngang nhau như mức hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo T, T2 và H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự:

[15] Bị hại không yêu cầu các bị cáo T, T2, H phải bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại là 4.244.400 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[16] Về án phí: Các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2 và Đỗ Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2 và Đỗ Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo T là người cao tuổi nhưng bị cáo không có đề nghị

miễn án phí nên bị cáo Đỗ Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2 và Đỗ Thị H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2 và Đỗ Thị H đồng phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

- Đỗ Thị T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ đi cho bị cáo 29 ngày tạm giam (từ ngày 16-11-2022 đến ngày 15-12-2022) vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ (quy đổi thành 87 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 3 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Đỗ Thị T2 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Đỗ Thị H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự, Công an quận Đ, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2 cho Ủy ban nhân dân phường phường H; giao bị cáo Đỗ Thị H cho Ủy ban nhân dân phường phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục, theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 36; khoản 5 Điều 178 của Bộ luật Hình sự, miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2, Đỗ Thị H.

3. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Đỗ Thị T, Đỗ Thị T2, Đỗ Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- TAND quận Đồ Sơn;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu